

ĐỔI MỚI NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

BÙI THỊ HÒA*

Tóm tắt: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng (tháng 1/2016) đã đề cập nhiều vấn đề cốt lõi trên các lĩnh vực, mở ra một thời kỳ mới trong sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước. Bài viết đề cập đến quan điểm của Đảng về đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và chỉ ra những vấn đề cần quan tâm; đề xuất nhiệm vụ, giải pháp đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của tổ chức Hội.

Từ khóa: Nội dung, phương thức hoạt động, đổi mới, hoạt động Hội.

Abstract: The 12th National Congress of the Communist Party of Vietnam (January 2016) emphasized a number of key issues in different fields, opening up a new era in the cause of national renovation and development. This article mentions the Party's position in the renovation of the content and mode of operation of the Vietnam Fatherland Front, socio-political organizations and points out issues of concern; proposes tasks and solutions to renovate the contents and mode of operation of the Vietnam Women's Union.

Keywords: Content, mode of operation, renovation, activities of Vietnam Women's Union.

1. Quan điểm của Đảng về đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các Tổ chức chính trị - xã hội

Trên cơ sở đánh giá tổng quát kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội XI (2011-2015) và nhìn lại 30 năm đổi mới, Đại hội lần thứ XII của Đảng, năm 2016 đã nêu rõ: “Tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016). Đây là vấn đề đã được đề cập trong nhiều văn kiện của Đảng qua các nhiệm kỳ.

* Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (tháng 12 năm 1986) của Đảng đã khởi xướng công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, với nhiều quan điểm, chủ trương đổi mới về công tác đoàn kết, tập hợp quần chúng. Xuất phát từ quan điểm “lấy dân làm gốc”, Đảng đã khai mở cho lý luận về đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy vai trò của nhân dân. Nghị quyết Trung ương khóa VI về công tác quần chúng đã làm rõ thêm các vấn đề: Đổi mới phương thức tập hợp quần chúng; đa dạng hóa hình thức tập hợp nhân dân; nhấn mạnh yêu cầu coi trọng yếu tố lợi ích chính đáng của người lao động. Hơn 30 năm qua, Đảng ta không ngừng bổ sung, phát triển lý luận về công tác vận động quần chúng nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Nhiều nhiệm kỳ Đảng đều yêu cầu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phải đổi mới nội dung, phương thức hoạt động để đoàn kết, tập hợp ý chí, nguyện vọng của toàn dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với nhân dân.

Nghị quyết 25-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới” đã chỉ rõ “Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, các hội quần chúng để tập hợp nhân dân, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể nhân dân **tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động**, thực hiện tốt vai trò là người đại diện, bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của đoàn viên, hội viên; đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân, hướng về cơ sở, tập trung cho cơ sở, phù hợp với trình độ dân trí và đặc điểm, tình hình cụ thể của từng giai tầng xã hội, trong từng giai đoạn cách mạng”... “Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội **tăng thêm tính tự chủ, chủ động hơn trong hoạt động, để gần dân, sát dân hơn**”... “Phát triển các tổ chức quần chúng theo **nguyên tắc tự nguyện, tự quản và tự trang trải**, tạo môi trường và điều kiện để nhân dân phát huy sức lực, trí tuệ sáng tạo theo nguyện vọng trên cơ sở pháp luật” (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 2013).

Trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Đảng ta một lần nữa thẳng thắn nhận định: “Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân các cấp có lúc, có nơi chưa sâu sát các tầng lớp nhân dân và cơ sở, còn có biểu hiện hành chính hóa chưa thiết thực, hiệu quả. Những hạn chế, khuyết điểm đó là do: Chậm đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân” (*Đảng Cộng sản Việt Nam*, 2016, tr.157 - 158). Đồng thời, xác định phương hướng, nhiệm vụ nhằm đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân: “Khắc phục những hạn chế, bảo đảm tác dụng, hiệu quả thực chất hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội” (*Đảng Cộng sản Việt Nam*, 2016, tr.159); tập trung công tác xây dựng, củng cố tổ chức và chú trọng chất lượng đội ngũ cán bộ: “Tiếp tục tăng cường củng cố tổ chức, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân” (*Đảng Cộng sản Việt Nam*, 2016, tr.166); phát huy tính chủ động, sáng tạo của các tổ chức trong hoạt động “đẩy mạnh dân chủ hóa xã hội để phát huy quyền làm chủ của nhân dân, vai trò chủ động, sáng tạo của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Tổ chức thực hiện tốt Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền” (*Đảng Cộng sản Việt Nam*, 2016, tr.170); đề ra cơ chế phối hợp trong hoạt động kiểm tra, giám sát: “Tăng cường hơn nữa sự gắn kết giữa giám sát của Quốc hội với kiểm tra, giám sát của Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và giám sát nhân dân” (*Đảng Cộng sản Việt Nam*, 2016, tr.176 - 177); đặt yêu cầu đổi mới tổ chức và cơ chế hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong tổ chức, bộ máy chính quyền địa phương: “Việc hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của chính quyền địa phương gắn kết hữu cơ với đổi mới tổ chức và cơ chế hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội ở các cấp” (*Đảng Cộng sản Việt Nam*, 2016, tr.180); Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc XII xác định: “Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, tôn trọng nguyên tắc hiệp thương dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Phát huy mạnh mẽ vai trò, hiệu lực của nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, xây dựng hệ thống chính trị hoạt động năng động, có hiệu lực và hiệu quả” (*Đảng Cộng sản Việt Nam*, 2016, tr.214).

Là tổ chức chính trị - xã hội, thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, một thành tố trong hệ thống chính trị, Hội LHPN Việt Nam đang đứng trước yêu cầu đổi mới nội dung, phương thức hoạt động: “Các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam cần *đẩy mạnh đổi mới nội dung, phương thức hoạt động*, khắc phục tình trạng “hành chính hóa”, hướng mạnh hoạt động về cơ sở, khu dân cư, chăm lo thiết thực quyền lợi chính đáng hợp pháp cho hội viên, không phô trương hình thức, không chạy theo thành tích; phát huy vai trò chủ động tham mưu, đề xuất với Đảng, Nhà nước về chủ trương, chính sách liên quan đến phụ nữ, thực hiện tốt chức năng giám sát và phản biện xã hội; tham gia đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí. Nghị quyết 11-NQ/TW về công tác phụ nữ thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước cũng đã khẳng định: “*Hội cần mở rộng tính liên hiệp, tập hợp rộng rãi các đối tượng là phụ nữ trên nguyên tắc dân chủ, tự nguyện; đa dạng hóa các hình thức tập hợp để phát triển hội viên trên các lĩnh vực*” (Bộ Chính trị, 2007).

2. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

Hội LHPN Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội, trong hệ thống chính trị Việt Nam, đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của các tầng lớp phụ nữ Việt Nam, có địa vị pháp lý được xác lập bằng các quy định trong Hiến pháp, luật pháp, chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng.

Khoản 2 Điều 9 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 xác định: “Công đoàn Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội LHPN Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam là các tổ chức chính trị - xã hội được thành lập trên cơ sở tự nguyện, đại diện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của thành viên, hội viên tổ chức mình; cùng các thành viên khác của Mặt trận phối hợp và thống nhất hành động trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam” và khoản 3: “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Nhà nước tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác hoạt động” (tr.12).

Luật Bình đẳng giới (2006) Điều 29, Điều 30 cũng xác định trách nhiệm của Hội LHPN Việt Nam tham gia xây dựng chính sách, luật pháp và tham gia quản lý Nhà nước về bình đẳng giới theo quy định của pháp luật, giám sát, phản biện xã hội đối với chính sách, pháp luật về bình đẳng giới; tuyên truyền, vận động hội viên thực hiện bình đẳng giới; tổ chức các hoạt động hỗ trợ phụ nữ góp phần thực hiện mục tiêu bình đẳng giới; phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan bồi dưỡng, giới thiệu phụ nữ đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân; phụ nữ đủ tiêu chuẩn tham gia quản lý, lãnh đạo các cơ quan trong hệ thống chính trị; thực hiện chức năng đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ và trẻ em gái theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết 11-NQ/TW ngày 27/04/2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước cũng xác định: “công tác phụ nữ là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và của từng gia đình. Trong đó hạt nhân lãnh đạo là các cấp ủy Đảng, trách nhiệm trực tiếp và chủ yếu là các cơ quan quản lý Nhà nước các cấp, vai trò chủ thể là phụ nữ và *nòng cốt là các cấp Hội LHPN Việt Nam*” (Bộ Chính trị, 2007).

Chính phủ cũng ban hành Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 01/12/2009 về chương trình hành động của Chính phủ giai đoạn đến 2020 thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/04/2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; ngày 24/12/2010 Thủ tướng chính phủ ký quyết định số 2351/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020, đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Hội LHPN Việt Nam và các tổ chức thành viên trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình tham gia tổ chức triển khai chiến lược (Thủ tướng Chính phủ, 2010). Ngày 16/7/2012, Chính phủ ban hành Nghị định 56/2012/NĐ-CP quy định trách nhiệm của các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp trong việc đảm bảo cho các cấp Hội LHPN Việt Nam tham gia quản lý nhà nước.

Hội LHPN Việt Nam có quá trình hình thành, xây dựng và phát triển hơn 85 năm dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng Cộng sản Việt Nam, có tôn chỉ mục đích, nguyên tắc hoạt động rõ ràng được quy định trong điều lệ hoạt động, có cơ quan lãnh đạo do đại hội đại biểu Hội Liên

hiệp Phụ nữ hiệp thương thống nhất thông qua. Hệ thống Hội được tổ chức chặt chẽ theo 4 cấp, mỗi cấp đều có cơ quan chuyên trách, cán bộ chuyên trách được nhận lương từ ngân sách nhà nước, được nhà nước hỗ trợ kinh phí, điều kiện hoạt động; thu hút, tập hợp trên 17 triệu hội viên trong các tầng lớp phụ nữ ở các lĩnh vực của đời sống xã hội, các khu vực, vùng miền của cả nước; đội ngũ cán bộ Hội tâm huyết, trách nhiệm, đặc biệt có trên 150.000 hội viên nòng cốt là các chi hội trưởng hoạt động tình nguyện tại các địa bàn dân cư - là nhân tố thúc đẩy tính tự nguyện, tự quản và xã hội hóa hoạt động Hội.

Hội LHPN Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội giữ vai trò nòng cốt trong công tác vận động phụ nữ, đã thành công và tổng kết được nhiều kinh nghiệm trong tổ chức, triển khai các cuộc vận động hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc; tham mưu, đề xuất chính sách pháp luật liên quan đến phụ nữ; thực hiện chức năng đại diện, chăm lo bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của phụ nữ, xây dựng tổ chức hội vững mạnh, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; hợp tác quốc tế... Với hiệu quả và tính thiết thực trong hoạt động của mình, Hội được Đảng, Chính phủ giao cho các trọng trách: tham mưu, giới thiệu, tạo nguồn cán bộ nữ; giám sát việc thực hiện luật pháp, chính sách về bình đẳng giới; tham gia quản lý nhà nước ở một số nhiệm vụ theo quy định của pháp luật (Nghị định 56/2012 NĐ-CP); là đoàn thể có chất lượng tín dụng tốt nhất của Ngân hàng Chính sách xã hội. Hội đã đẩy mạnh hoạt động tài chính vi mô, hướng đến đăng ký theo luật định, mở rộng thành lập quỹ xã hội tại 15 đơn vị tỉnh và huyện, đến nay có 3 tổ chức tài chính vi mô của Hội được cấp phép hoạt động. Hiện nay, Chính phủ đang cho phép Quỹ tín dụng của Hội thí điểm mô hình cho vay gián tiếp và hỗ trợ kỹ thuật nhằm tăng cường năng lực cho các tổ chức tài chính vi mô, Quỹ Xã hội. Hội cũng được Chính phủ giao thực hiện các đề án về hỗ trợ dịch vụ dạy nghề, thành lập nhóm trẻ tại các khu công nghiệp, thành lập trung tâm tư vấn pháp luật, tư vấn và hỗ trợ hôn nhân có yếu tố nước ngoài, đề án giáo dục đạo đức phẩm chất cho phụ nữ Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; giáo dục 5 triệu bà mẹ nuôi dạy con tốt; đề án xóa mù chữ, nâng cao trình độ mọi mặt cho phụ nữ dân tộc thiểu số; đào tạo cán bộ Hội, bồi dưỡng cán bộ Hội Phụ nữ cho Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Vương quốc Campuchia. Rõ ràng, Hội đã và đang khẳng định thế mạnh trong các hoạt động bám sát tình hình kinh tế, xã hội của đất nước, vào thực tiễn và nhu cầu nguyện vọng của các tầng lớp phụ nữ.

3. Một số vấn đề đặt ra đối với Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

Trước yêu cầu đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, Hội LHPN Việt Nam đang bộc lộ những hạn chế, khó khăn, đồng thời đặt ra một số vấn đề đối với tổ chức Hội LHPN Việt Nam.

Việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Hội chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu của công tác phụ nữ trong tình hình mới và nhu cầu ngày càng đa dạng của các tầng lớp phụ nữ. Nhận thức về tổ chức và hoạt động của Hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội

nhập quốc tế chưa đầy đủ, các dự báo và định hướng hoạt động của Hội còn lúng túng, chưa thể hiện tầm nhìn và sự chủ động ứng phó của tổ chức trước những cơ hội và thách thức của bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay. Tổ chức và hoạt động của Hội có xu hướng hành chính hóa, hình thành hệ thống tổ chức theo bốn cấp hành chính nhà nước mà chưa mở rộng theo nguyện vọng, mong muốn của các tầng lớp phụ nữ; nhiệm vụ tuyên truyền, vận động, giáo dục hội viên, phụ nữ đang mờ nhạt hoặc xơ cứng, giáo điều, chậm đổi mới, chưa được lồng ghép hiệu quả trong các hoạt động hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế; chưa tranh thủ lợi thế của công nghệ thông tin, các phương tiện truyền thông hiện đại trong công tác tuyên truyền giáo dục hội viên phụ nữ; có nơi Hội chủ yếu tập trung vào các hoạt động tín dụng, vay vốn, thực hiện các dự án, hoặc chạy theo các hoạt động sự vụ, như một cơ quan quản lý nhà nước. Vẫn còn tình trạng tổ chức Hội các cấp chạy theo thành tích, hình thức, không nắm được nhu cầu, nguyện vọng của hội viên phụ nữ trong khi các tổ chức tôn giáo, và các trang mạng xã hội có nhiều hoạt động thu hút phụ nữ; không theo sát những thay đổi của các tầng lớp phụ nữ trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Công tác cán bộ của từng cấp Hội thiếu tính chiến lược, tình trạng thiếu hụt cán bộ diễn ra ở nhiều cấp, trong khi công tác quy hoạch, đào tạo còn lúng túng, còn tình trạng “khép kín” trong tổ chức Hội; chưa có chính sách thu hút cán bộ nữ trẻ có năng lực tham gia công tác Hội, đầu ra và chiều hướng thăng tiến của cán bộ Hội thường chậm; phong cách, lễ lối làm việc của cán bộ Hội chuyên trách có biểu hiện hành chính, thiếu kỹ năng vận động, tuyên truyền, thuyết phục và sâu sát hội viên phụ nữ; năng lực tham mưu chiến lược của đội ngũ cán bộ Hội cấp Trung ương và cấp tỉnh cũng như năng lực sáng tạo trong triển khai, tổ chức thực hiện của cấp quận/huyện và cơ sở còn nhiều hạn chế; công tác chỉ đạo, điều hành, phối hợp thiếu năng động, sáng tạo, chưa theo kịp xu thế phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin chậm. Hội chưa có cơ chế thu hút và đãi ngộ chuyên gia giỏi.

Kinh phí và điều kiện, phương tiện cho hoạt động của Hội còn hạn chế, chủ yếu do ngân sách nhà nước cấp, một phần do các dự án tài trợ và các chương trình phối hợp với các ban/ngành, tổ chức phi chính phủ, các doanh nghiệp. Nhìn chung, nguồn kinh phí ngân sách cấp chỉ đủ các hoạt động thường xuyên và một số chương trình mục tiêu quốc gia do Hội đảm nhận. Một phần kinh phí hoạt động chuyên môn và các hoạt động xã hội, chăm lo hội viên đặc thù, khó khăn đều do Hội vận động từ nguồn lực xã hội. Các đơn vị sự nghiệp của Hội như Học viện Phụ nữ Việt Nam, Trung tâm Phụ nữ và Phát triển, Trường trung cấp Lê Thị Riêng, Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam, Báo Phụ nữ Việt Nam, Nhà xuất bản Phụ nữ... được nhà nước giao nhiệm vụ và phân bổ kinh phí thực hiện nhiệm vụ; các khoản kinh phí tự chủ hạch toán theo quy định tài chính hiện hành. Về cơ bản, các đơn vị sự nghiệp có thu chưa có nhiều đột phá đáp ứng nhu cầu dịch vụ trong cơ chế thị trường hiện nay.

Hội viên của Hội đông (trên 17 triệu hội viên) nhưng chưa bao phủ các tầng lớp phụ nữ trong cơ cấu xã hội đang thay đổi, chủ yếu là phụ nữ sống ở nông thôn, phụ nữ nội trợ, tiểu thương, nữ

cán bộ, công chức về hưu ở các đô thị, lứa tuổi từ 31 đến 59 tuổi (số trẻ dưới 30 tuổi sinh hoạt trong tổ chức Đoàn, trên 60 tuổi các cụ tham gia Hội Người cao tuổi) (*Hội LHPN Việt Nam*, 2013, tr.113 - 114); nữ công nhân viên chức chỉ chiếm 16,49% đang sinh hoạt trong tổ chức công đoàn cũng được tính là hội viên phụ nữ, số đăng ký hội viên của tổ chức Hội trong các cơ quan nhà nước không nhiều, chủ yếu sinh hoạt trong Hội Phụ nữ Quân đội và Hội Phụ nữ Công an; hội viên nữ cao tuổi chiếm 16,79%. Số liệu trên chưa phân loại đầy đủ các nhóm phụ nữ, nhưng qua thực tiễn triển khai các hoạt động Hội vẫn chủ yếu hướng đến các nhóm phụ nữ theo địa bàn hành chính, vì hiện nay hội viên của hội đang tập trung ở các khu dân cư: nhiều nhất vẫn là phụ nữ trung niên là nông dân, tiểu thương, nội chợ, cán bộ hưu trí. Tác động của kinh tế thị trường, đô thị hóa, hội nhập quốc tế, di chuyển lao động từ nông thôn ra thành thị, lao động nữ xuất cảnh trái phép qua các nước láng giềng, phụ nữ tham gia xuất khẩu lao động, phụ nữ lấy chồng nước ngoài... mà số hội viên, phụ nữ ở các địa bàn dân cư biến động lớn, dẫn đến quản lý hội viên phụ nữ gặp nhiều khó khăn, số liệu thống kê không chính xác. Hiện nay, khi rà soát lại số lượng hội viên, có tỉnh giảm 40%, có 3 tỉnh (Hậu Giang, An Giang và Cà Mau) thu hút hội viên phụ nữ dưới 50%; 36 tỉnh/thành phố thu hút tập hợp hội viên dưới 75%. Rõ ràng, Hội đang đứng trước thách thức to lớn từ việc sụt giảm số hội viên, từ chất lượng hội viên và tính đại diện cho các tầng lớp phụ nữ trong một cơ cấu xã hội và phân tầng xã hội đang thay đổi ở Việt Nam hiện nay.

4. Nhiệm vụ và giải pháp đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Hội trong giai đoạn hiện nay

4.1. Về phong trào thi đua, cuộc vận động và các nhiệm vụ của Hội

Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII đã chỉ ra những vấn đề cốt lõi về phụ nữ trong 5 năm tới: “Nâng cao trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần của phụ nữ; thực hiện tốt bình đẳng giới, tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển tài năng. Nghiên cứu, bổ sung và hoàn thiện luật pháp và chính sách đối với lao động nữ, tạo điều kiện và cơ hội để phụ nữ thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm của mình trong gia đình và xã hội. Kiên quyết đấu tranh chống các tệ nạn xã hội và xử lý nghiêm minh theo pháp luật các hành vi bạo lực, buôn bán, xâm hại nhân phẩm phụ nữ” (*Hội LHPN Việt Nam*, 2016, tr.163). Xác định các tầng lớp phụ nữ là đối tượng đích của tổ chức Hội, thì những vấn đề cốt lõi của phụ nữ phải được thể hiện một cách sinh động trong phong trào thi đua, các cuộc vận động, các nhiệm vụ trọng tâm của tổ chức Hội. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động để Hội thực sự là tổ chức nòng cốt, đại diện bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của phụ nữ, đồng hành trong hành trình nâng cao trình độ mọi mặt cho phụ nữ; tiếp tục đề xuất chính sách luật pháp phát huy vai trò của phụ nữ; giám sát việc thực thi chính sách luật pháp liên quan đến phụ nữ, bình đẳng giới, có tiếng nói bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp; chăm lo hỗ trợ để phụ nữ hoàn thành tốt thiên chức trong gia đình và đóng góp cho xã hội. Các

nội dung hoạt động của Hội phải bám sát chỉ đạo của Đảng, gắn bó chặt chẽ với chuyển động trong đời sống kinh tế - xã hội của đất nước, của từng địa phương; lấy mong muốn, nguyện vọng chính đáng của phụ nữ làm cơ sở để đề ra nội dung, phương thức hoạt động.

Trong nhiệm kỳ này, Hội tiếp tục phát huy kinh nghiệm đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, bao gồm: nâng cao chất lượng quản lý và sử dụng vốn thông qua hoạt động ủy thác với Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; nghiên cứu để hợp nhất Quỹ hỗ trợ phụ nữ nghèo và các loại hình tài chính vi mô do Trung ương quản lý, thực hiện chiến lược tài chính vi mô hướng đến đăng ký theo luật định; thống nhất hướng dẫn và quản lý hoạt động các quỹ Xã hội ở các địa phương; tiếp tục vận động phụ nữ tiết kiệm giúp nhau phát triển kinh tế; khuyến khích và hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp; chỉ đạo thành lập các tổ hợp tác, tổ liên kết, hợp tác xã, doanh nghiệp vừa và nhỏ, tôn vinh và hỗ trợ các doanh nghiệp lớn... của phụ nữ nhằm tham gia hiệu quả vào chuỗi giá trị trong nền kinh tế thị trường hiện nay.

Các cấp Hội tham gia đảm nhận và tổ chức các dịch vụ công đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của chị em phụ nữ, gia đình và xã hội, chăm lo xây dựng gia đình Việt Nam hạnh phúc bền vững; hướng hoạt động của các trung tâm dạy nghề, trung tâm tư vấn pháp luật, trung tâm phụ nữ và phát triển vào các dịch vụ công vừa đáp ứng nhu cầu xã hội, thiết thực hỗ trợ chị em phụ nữ vừa giúp nhà nước chuyển dần các dịch vụ công sang các tổ chức xã hội. Hiện nay các tổ chức tôn giáo, các tổ chức xã hội... đã và đang đẩy mạnh hoạt động này (nhà trẻ, trường mầm non, trường tiểu học, cô nhi viện, nhà dưỡng lão, phòng khám bệnh, bếp ăn tình thương, dịch vụ cưới...). Nghiên cứu, khảo sát để bổ sung chức năng, nhiệm vụ cho các trung tâm dạy nghề theo hướng đa chức năng hướng đến các nhu cầu của xã hội.

Nâng cao năng lực giám sát và phản biện xã hội về các chính sách, pháp luật liên quan đến phụ nữ, trẻ em, bình đẳng giới và tổ chức Hội. Yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, của dân, do dân và vì dân cùng xu hướng dân chủ hóa đời sống xã hội, đòi hỏi sự tham gia ngày càng chất lượng hơn của người dân vào quá trình quản lý và điều hành đất nước. Hội LHPN Việt Nam phải trở thành một thiết chế hiệu quả, là môi trường thuận lợi để hội viên phụ nữ phát huy và thực hành dân chủ góp phần xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, tạo sự đồng thuận và sự tiến bộ, công bằng trong xã hội. Để thực hiện nhiệm vụ này, Hội cần đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng liên quan cho cán bộ Hội, đồng thời tập hợp, thu hút các chuyên gia giỏi, cán bộ nữ đang công tác tại các lĩnh vực tham gia, tạo ra các diễn đàn, tọa đàm, hội thảo... để cán bộ Hội, cán bộ nữ tiếp cận các dự thảo chính sách. Đặc biệt, Hội phải tham gia giới thiệu nhiều cán bộ nữ xuất sắc vào các vị trí ra quyết định, nhằm xây dựng các chính sách đảm bảo sự nhạy cảm giới.

Đa dạng hóa nội dung và phương thức tập hợp và phát triển hội viên phụ nữ. Bên cạnh hội viên phụ nữ đang sinh sống theo địa bàn dân cư, địa bàn hành chính, cần tập hợp hội viên phụ nữ theo lứa tuổi, nghề nghiệp, tôn giáo, sở thích, trình độ, văn hóa... theo cơ cấu và phân

tăng xã hội hiện nay; phát triển thêm các thành viên của Hội: tổ chức phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài; nữ luật sư, nữ văn nghệ sĩ, nữ giáo chức; phu nhân các quan chức ngoại giao; nữ lãnh đạo quản lý, viên chức nữ...; phối hợp chặt chẽ với các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp (Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Tổng Liên đoàn lao động, Hội Luật gia, Hội Người cao tuổi...) có hội viên, đoàn viên là phụ nữ nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp chăm lo tiến bộ và bình đẳng của phụ nữ Việt Nam. Tiếp cận vấn đề tổ chức và hội viên từ cơ cấu xã hội và nhu cầu nguyện vọng của đối tượng, phụ nữ, tránh chồng chéo trong công tác vận động, tập hợp hội viên.

Trong phương thức hoạt động của mình, Hội phải đề cao sự sáng tạo, năng động, nhạy bén và tính chủ động của mỗi cấp Hội và cán bộ, hội viên, lấy hiệu quả làm thước đo đánh giá chất lượng phong trào Hội. Hiệu quả ở đây chính là sự gắn bó, hấp dẫn hội viên phụ nữ bởi tính thiết thực của hoạt động Hội; ở sự thành công trong giám sát, phản biện, đề xuất chính sách luật pháp được cấp ủy, chính quyền ghi nhận; ở sự trưởng thành, phát triển của đội ngũ cán bộ Hội, cán bộ nữ và bao trùm là vị thế, ảnh hưởng của tổ chức Hội được xã hội ghi nhận, tôn vinh.

Để đạt được mục tiêu đó, Hội cần coi trọng việc tuyển chọn, bồi dưỡng, đào tạo, sử dụng, phát huy đội ngũ cán bộ Hội - nhân tố quan trọng của công tác Hội và phong trào phụ nữ. Vấn đề chính sách cán bộ, quy hoạch, đào tạo, luân chuyển cán bộ Hội, tuổi nghỉ hưu của lao động nữ cần tiếp tục được các cấp Hội tham mưu, đề xuất với Đảng, Nhà nước. Bên cạnh đó, những điều kiện đảm bảo để Hội tổ chức thực hiện thành công các nhiệm vụ của Hội cũng cần được các cấp ủy, chính quyền, các cấp Hội quan tâm.

4.2. Rà soát, sắp xếp tổ chức, bộ máy tinh gọn, năng động, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của tổ chức Hội

Rà soát chức năng, nhiệm vụ của từng cấp Hội và các ban, đơn vị của từng cấp để thống nhất phân định nhiệm vụ cụ thể.

Đối với cấp Trung ương: Cần rà soát, phân định cụ thể chức năng, nhiệm vụ cho các ban/đơn vị theo hướng: Các ban tham mưu, hướng dẫn, theo dõi về công tác Hội và phong trào phụ nữ; các ban tham mưu, tổng hợp, phục vụ hoạt động; các đơn vị sự nghiệp có thu hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

Đối với cấp tỉnh/thành: Hiện nay, với biên chế từ 19 đến 23 cán bộ, bố trí từ 4-6 ban, văn phòng; trung bình chỉ có khoảng 2-4 cán bộ/ban, tình trạng phải làm thay việc cho cán bộ nghỉ chế độ thai sản luôn diễn ra nên chất lượng chưa cao. Nhiều tỉnh Hội không có điều kiện thành lập dịch vụ/Trung tâm hỗ trợ phụ nữ vì không đủ nhân lực và cơ sở vật chất. Trước yêu cầu tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, các tỉnh, thành Hội nên rà soát, đề xuất tập trung đầu mỗi ban, văn phòng gọn hơn, tham mưu thành lập một số cơ sở/trung tâm đảm nhận dịch vụ

công. Nếu giảm bớt đầu mối, số cán bộ mỗi ban/đơn vị sẽ đông hơn, có sự hỗ trợ và tập trung sâu hơn cho nhiệm vụ được giao.

4.3. Điều hành và quản lý ngân sách nhà nước phân bổ theo đúng quy định hiện hành, đồng thời tích cực nuôi dưỡng và tạo nguồn thu phục vụ nhiệm vụ chính trị

Các cấp Hội cần điều hành hiệu quả nguồn ngân sách do nhà nước phân bổ hàng năm, đảm bảo đúng quy định hiện hành, linh hoạt bám sát nhiệm vụ và tình hình thực tiễn. Hội cần chủ động khai thác nguồn thu, tăng cường xã hội hóa nguồn lực nhằm phục vụ nhiệm vụ chính trị được giao, đáp ứng nhu cầu của hội viên, phụ nữ. Đổi mới cơ chế và nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm hiện có, đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp có thu; các dịch vụ công do Hội Phụ nữ đảm nhiệm.

Tiếp tục đề xuất dự án xây dựng các trung tâm phụ nữ, các cơ sở phục vụ cho dịch vụ công của Hội Liên hiệp Phụ nữ. Nâng cao năng lực quản lý và điều hành phần vốn của Hội tại Công ty cổ phần Du lịch Hòa Bình Việt Nam.

Vận động tài trợ nước ngoài thông qua các dự án quốc tế và các nguồn tài trợ, ủng hộ trong nước, các chương trình phối hợp với các bộ, ngành và địa phương.

Nâng cao các hoạt động ủy thác/tín chấp với Ngân hàng Chính sách xã hội và các ngân hàng khác; Sử dụng nguồn phí ủy thác để tăng vốn đầu tư phát triển và phục vụ cho hoạt động của Hội.

Chuyển dần các hoạt động hỗ trợ của Hội sang hướng đảm nhận các dịch vụ công, tạo nguồn thu cho Hội; giảm dần nguồn ngân sách cho tổ chức và bộ máy hoạt động của Hội, tiến đến tự chủ và tự quản những hoạt động thường xuyên, thay đổi tư duy trông chờ vào ngân sách nhà nước.

5. Một số khuyến nghị

- **Một là**, thay đổi nhận thức của đội ngũ cán bộ Hội các cấp về yêu cầu và những thách thức đặt ra trong tình hình phụ nữ và công tác phụ nữ trong bối cảnh hiện nay. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Hội LHPN Việt Nam là vấn đề cấp bách. Nếu không sớm đổi mới Hội sẽ không đáp ứng và bắt kịp yêu cầu phát triển của đất nước cũng như những đòi hỏi của phụ nữ hiện nay. Do đó, cán bộ Hội ở từng cương vị của mình cần thống nhất nhận thức, quyết tâm trong hành động, có bước đi, lộ trình phù hợp để thực hiện đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của từng cấp Hội. Không chờ cấp trên, bản thân từng cấp, từng cán bộ phải xác định nội dung, nhiệm vụ, bước đi để thực hiện.

- **Hai là**, xây dựng đội ngũ cán bộ Hội có bản lĩnh chính trị, có năng lực chuyên môn, nhiệt tình, tâm huyết có kỹ năng vận động quần chúng, có phương pháp làm việc khoa học, kế hoạch là chủ thể của quá trình đổi mới. Có cơ chế phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, sử dụng, đề bạt, giới thiệu, tiến cử cán bộ Hội, chuyên gia giỏi; phát huy vai trò tình nguyện của đội ngũ cán bộ Hội và hội viên phụ nữ trong các dịch vụ công và các hoạt động Hội ở cơ sở. Học

viện Phụ nữ Việt Nam có kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho chiến lược đổi mới tổ chức và hoạt động của Hội.

- **Ba là**, thực hiện chiến lược truyền thông nhằm tôn vinh phẩm chất tốt đẹp của phụ nữ Việt Nam, quảng bá tôn chỉ, mục đích và các hoạt động của Hội, hướng đến các mục tiêu bình đẳng giới làm tăng nhận thức của xã hội về phụ nữ và tổ chức Hội.

- **Bốn là**, tiếp tục đề xuất, tham mưu các chính sách chăm lo phát triển phụ nữ, nhất là các đối tượng phụ nữ đặc thù, khó khăn, về tuổi nghỉ hưu của phụ nữ, về thành lập cơ quan quản lý nhà nước về phụ nữ, trẻ em và bình đẳng giới. Đề xuất quy hoạch đầu tư phát triển trong giai đoạn 2016 - 2010, trong đó chú trọng tới về việc xây dựng cơ sở vật chất phục vụ các dịch vụ công do Hội đảm nhiệm.

- **Năm là**, đẩy mạnh xã hội hóa, vận động nguồn lực từ các dự án quốc tế, các doanh nghiệp trong và ngoài nước, phát huy nội lực của hội viên, phụ nữ và các tổ chức thành viên cho các hoạt động của Hội. Đổi mới việc thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học gắn với những vấn đề đặt ra cho công tác Hội và phong trào phụ nữ, làm bằng chứng cho việc hoạch định chiến lược phát triển của Hội cũng như đề xuất chính sách, pháp luật, phản biện chính sách, pháp luật liên quan đến bình đẳng giới, phụ nữ, trẻ em và tổ chức Hội.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Trung ương. (2013). *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, ngày 03/6/2013 về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới.*
2. Bộ Chính trị. (2007). *Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 07/4/2007 về công tác phụ nữ thời kỳ công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.*
3. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII.* Hà Nội: Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội.
4. Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2013). *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.* Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - sự thật.
5. Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh. (2013). *Tài liệu học tập dành cho lớp bồi dưỡng dự nguồn cán bộ cao cấp, tập 5, Những vấn đề cơ bản về khoa học lãnh đạo.* Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị - Hành chính.
6. Hội LHPN Việt Nam. (2013). *Văn kiện Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ XI.* Hà Nội: Nhà xuất bản.
7. Hội LHPN Việt Nam. (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ XI.* Hà Nội: Nhà xuất bản Phụ nữ.
8. Hội LHPN Việt Nam. (2014). *Báo cáo đánh giá giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ XI (dự thảo).*
9. Hội LHPN Việt Nam. (2014). *Báo cáo tổng kết 30 năm đổi mới.*
10. Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. *Luật Bình đẳng giới, số 73/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006.*
11. Thủ tướng Chính phủ. (2010). *Quyết định số 2351/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2010 phê duyệt Chiến lược quốc gia về Bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020.*